

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG GIẢNG VIÊN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ ĐỢT 3 NĂM 2026

(Theo Quyết định công nhận kết quả học tập và cấp chứng chỉ hoàn thành lớp Bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị đợt 3 năm 2026 tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền số 2887-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 20 tháng 8 năm 2026 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Chương trình ĐT, BD: Giảng viên lý luận chính trị.

Thời gian đào tạo, bồi dưỡng: Từ ngày 27/6/2026 đến ngày 01/8/2026.

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
1	Hà Phương Anh	13.9.2006	Phú Thọ	Nữ	Kinh	025306005521	HBT/BD 005976	GVLLCT03/2026.01	
2	Trương Hoài Duy	20.9.2005	Tây Ninh	Nam	Kinh	080205017188	HBT/BD 005977	GVLLCT03/2026.02	
3	Nguyễn Thị Thúy Hà	26.9.1986	Phú Thọ	Nữ	Kinh	026186001265	HBT/BD 005978	GVLLCT03/2026.03	
4	Phan Nguyễn Thanh Hải	26.02.1983	Thành phố Huế	Nam	Kinh	045083000312	HBT/BD 005979	GVLLCT03/2026.04	
5	Đặng Thị Hóa	05.9.1977	Nghệ An	Nữ	Kinh	040177023784	HBT/BD 005980	GVLLCT03/2026.05	
6	Hoàng Thị Thu Hoài	24.4.1986	Quảng Trị	Nữ	Kinh	044186007188	HBT/BD 005981	GVLLCT03/2026.06	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
7	Bùi Thị Thu Huế	13.3.1994	Hải Phòng	Nữ	Kinh	030194001959	HBT/BD 005982	GVLLCT03/2026.07	
8	Trương Thùy Hương	03.12.1983	Thành phố Huế	Nữ	Kinh	046183006822	HBT/BD 005983	GVLLCT03/2026.08	
9	Nguyễn Văn Việt Huy	18.8.2005	Hà Nội	Nam	Kinh	001205003966	HBT/BD 005984	GVLLCT03/2026.09	
10	Lê Thị Lệ Huyền	26.4.1981	Quảng Trị	Nữ	Kinh	045181003168	HBT/BD 005985	GVLLCT03/2026.10	
11	Tôn Nữ Thị Liên	10.6.1975	Thành phố Huế	Nữ	Kinh	046175002414	HBT/BD 005986	GVLLCT03/2026.11	
12	Dương Bình Long	23.3.2003	Đồng Nai	Nam	Kinh	092203009452	HBT/BD 005987	GVLLCT03/2026.12	
13	Tạ Thị Thảo Ly	31.01.1999	Hà Nội	Nữ	Kinh	001199008998	HBT/BD 005988	GVLLCT03/2026.13	
14	Lê Văn Mão	19.5.1987	Thành phố Huế	Nam	Kinh	046087012600	HBT/BD 005989	GVLLCT03/2026.14	
15	Nguyễn Trần Minh	21.10.1999	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	089099000114	HBT/BD 005990	GVLLCT03/2026.15	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
16	Phạm Trường Nam	03.01.1981	Hà Nội	Nam	Kinh	001081011755	HBT/BD 005991	GVLLCT03/2026.16	
17	Vũ Kim Ngân	02.11.2002	Hà Nội	Nữ	Kinh	001302019033	HBT/BD 005992	GVLLCT03/2026.17	
18	Hồ Thị Hoàng Phi	30.9.2003	Đà Nẵng	Nữ	Kinh	049303002191	HBT/BD 005993	GVLLCT03/2026.18	
19	Hoàng Việt Phương	11.10.1994	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036194002594	HBT/BD 005994	GVLLCT03/2026.19	
20	Trần Nhựt Quang	18.6.2001	An Giang	Nam	Kinh	089201018920	HBT/BD 005995	GVLLCT03/2026.20	
21	Vũ Văn Sỹ	25.3.1983	Ninh Bình	Nam	Kinh	036083029998	HBT/BD 005996	GVLLCT03/2026.21	
22	Phạm Đức Thái	05.5.1988	Ninh Bình	Nam	Kinh	037088001941	HBT/BD 005997	GVLLCT03/2026.22	
23	Mai Văn Thành	06.11.1996	Hưng Yên	Nam	Kinh	033096002258	HBT/BD 005998	GVLLCT03/2026.23	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
24	Hoàng Diệu Thảo	10.5.1986	Ninh Bình	Nữ	Kinh	036186078381	HBT/BD 005999	GVLLCT03/2026.24	
25	Trần Thị Anh Thơ	26.6.2002	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	042302003230	HBT/BD 006000	GVLLCT03/2026.25	
26	Trần Thị Phương Thủy	20.3.2004	Quảng Trị	Nữ	Kinh	044304008100	HBT/BD 006001	GVLLCT03/2026.26	
27	Nguyễn Chánh Tín	12.7.1995	Đồng Nai	Nam	Kinh	070095007282	HBT/BD 006002	GVLLCT03/2026.27	
28	Đỗ Anh Tổng	30.12.1985	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	051085007386	HBT/BD 006003	GVLLCT03/2026.28	
29	Đỗ Minh Trí	08.4.1994	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	079094036710	HBT/BD 006004	GVLLCT03/2026.29	
30	Lê Anh Tuấn	28.3.1980	Phú Thọ	Nam	Kinh	026080000126	HBT/BD 006005	GVLLCT03/2026.30	
31	Vũ Hồng Vân	01.11.1987	Cao Bằng	Nữ	Kinh	004187005668	HBT/BD 006006	GVLLCT03/2026.31	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Số định danh cá nhân	Số hiệu CC	Số vào sổ gốc cấp CC	Ký nhận
32	Phạm Hùng Việt	11.6.1981	Quảng Trị	Nam	Kinh	045081003640	HBT/BD 006007	GVLLCT03/2026.32	
33	Lê Bá Vinh	12.12.1993	Hà Nội	Nam	Kinh	001093045989	HBT/BD 006008	GVLLCT03/2026.33	

Tổng số: 33 chứng chỉ.

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2026

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Thị Trường Giang